

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 125/2020/DS-PT

Ngày: 25-6-2020

V/v “Đòi lại tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Vũ.

Các thẩm phán:

1. Ông Phạm Văn Tâm;
2. Bà Nguyễn Thị Thúy Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Đang, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 115/2020/TLPT-DS ngày 23 tháng 4 năm 2020 về việc tranh chấp “Đòi lại tài sản”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2020/DS-ST ngày 02 tháng 3 năm 2020, của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 165/2020/QĐ-PT ngày 01 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Đỗ Văn T, sinh năm 1965; cư trú tại: ấp TP, xã TĐ, huyện CT, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của ông Đỗ Văn T: Anh Lê Phước Y, sinh năm 1995; cư trú tại: Số 493, đường BL, khu phố NT, phường NS, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh (theo Văn bản ủy quyền ngày 17-6-2019); có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị H, sinh năm 1963; cư trú tại: Số 595, ấp TP, xã TĐ, huyện CT, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà Trần Thị H: Bà Trần Kim D, sinh năm 1969; cư trú tại: Số 593, tổ 21, ấp TP, xã TĐ, huyện CT, tỉnh Tây Ninh (theo Văn bản ủy quyền ngày 22-11-2019); có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Trần Kim D, sinh năm 1969; cư trú tại: Số 593, tổ 21, ấp TP, xã TĐ, huyện CT, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- Chị Đỗ Thị Thùy D, sinh năm 1996; cư trú tại: Số 593, tổ 21, ấp TP, xã TĐ, huyện CT, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. *Người làm chứng:* Ông Đỗ Văn M, sinh năm 1973; cư trú tại: ấp TP, xã TĐ,

huyện CT, tỉnh Tây Ninh.

- *Người kháng cáo:* Bà Trần Thị H là **bị đơn**.

- *Kháng nghị:* Viện kiểm sát nhân dân huyện CT, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14-6-2019 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn anh Lê Phước Y trình bày: Tháng 12-2016, ông Đỗ Văn T có làm giấy tay nhận chuyển nhượng của bà Trần Thị H một phần đất diện tích 302,9 m², tại thửa số 133, tờ bản đồ số 35, được cấp trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01812 QSDĐ/3374/C3/HĐCN-CL do bà Trần Thị H đứng tên. Tháng 3-2017, ông T kêu ông Đỗ Văn M đổ 29 xe đất để nâng mặt bằng diện tích đất sang nhượng, giá mỗi xe đất 1.050.000 đồng, thành tiền 30.450.000 đồng. Ngày 11-3-2017, ông T đã thanh toán tiền 29 xe đất cho ông M, khi trả tiền thì ông M có viết biên nhận giao cho ông T giữ.

Năm 2018, vợ chồng ông T ly hôn, nhưng theo Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 103/2018/HNGĐ-ST, ngày 07-11-2018 của Tòa án nhân dân huyện CT không chấp nhận diện tích 302,9 m² là tài sản chung của vợ chồng theo yêu cầu chia của ông T. Do đó, nay ông T khởi kiện yêu cầu bà H trả lại tiền đổ đất 30.450.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 0.75%/ tháng tính từ ngày 11-3-2017 đến ngày Tòa án xét xử ngày 02-3-2020 là 35 tháng 21 ngày, thành tiền 7.993.000 đồng, tổng cộng 38.443.000 đồng.

Bị đơn bà Trần Thị H trình bày: Năm 2016, bà không sang nhượng diện tích đất nào cho ông T như đã trình bày. Do ông T là em rể, nên khoảng năm 2015-2016, bà có nhờ ông T kêu người đổ đất giùm 29 xe, giá mỗi xe 1.050.000 đồng, thành tiền 30.450.000 đồng, nhưng bà giao cho ông T 30.500.000 đồng để trả và cho thêm người đổ đất, bà đưa tiền cho chị Đỗ Thị Thùy D là con gái của ông T và bà D để giao lại cho ông T trả cho ông M (người đổ đất). Khi giao tiền cho chị D bà không an tâm, nên đi theo và khi ông T trả tiền cho ông M xong thì bà mới vào nhà.

Nay ông T yêu cầu bà trả lại tiền đổ đất 30.450.000 đồng và tiền lãi 7.993.000 đồng, tổng cộng 38.443.000 đồng, bà không đồng ý, vì đây là số tiền của bà đã trả cho ông M xong. Bà không yêu cầu chị D trả lại số tiền trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Kim D trình bày: Bà và ông Đỗ Văn T là vợ chồng chung sống với nhau từ năm 1995, nhưng đã ly hôn năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện CT. Khoảng năm 2016, 2017, bà Trần Thị H là chị ruột của bà có nhờ ông T kêu xe đổ đất giùm phần đất phía sau nhà bà H bị ngập nước, ông T đứng ra kêu ông M là người đổ đất cho bà H tổng cộng 29 xe đất, giá mỗi xe 1.050.000 đồng, thành tiền 30.450.000 đồng, nhưng bà H đưa 30.500.000 đồng để trả, ngoài 29 xe đất bà H nhờ ông T kêu đổ giùm, thì bà H không còn kêu ông M đổ thêm xe đất nào nữa. Sau khi đổ đất xong, bà H không trực tiếp trả tiền, mà đưa tiền cho con gái của bà và ông T tên Đỗ Thị Thùy D để đưa cho ông T trả tiền đổ đất cho ông M.

Nay ông T yêu cầu bà H trả tiền đổ đất 30.450.000 đồng là không đúng, vì tiền đổ đất là của bà H, không phải tiền của ông T, do đó Tòa án xét xử có chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của ông T thì bà cũng không yêu cầu đối với ông T số tiền 30.450.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đỗ Thị Thùy D trình bày: Chị là con

ruột của bà Trần Kim D và ông Đỗ Văn T; bà Trần Thị H là di ruột của chị. Năm 2017, bà H có nhờ cha chị là ông T kêu người đổ đất giùm, sau khi đổ đất xong bà H đưa tiền trực tiếp cho chị 30.500.000 đồng để chị đưa lại cho ông T trả tiền đổ đất, khi chị cầm tiền đi thì có anh Nguyễn Văn Tr đi theo ra chỗ ông T, ông T lấy tiền chị đưa trả cho ông M xong thì chị mới vào nhà. Do đó, ông T yêu cầu bà H trả 30.450.000 đồng là không đúng.

Người làm chứng ông Đỗ Văn M trình bày: Khoảng tháng 3-2017, ông Đỗ Văn T có kêu ông đổ đất cho ông T tại ấp TP, xã TĐ, huyện CT, tỉnh Tây Ninh 29 xe, giá mỗi xe đất 1.050.000 đồng, sau khi ông đổ đất gần xong cho ông T, thì bà Trần Thị H kêu ông đổ 05 xe đất phía trong, tổng cộng ông đổ 34 xe đất, trong đó ông T trực tiếp trả tiền 29 xe là 30.450.000 đồng, khi ông T trả tiền ông có viết biên nhận nhận tiền; còn tiền đổ 05 xe đất cho bà H, thì có một người phụ nữ ông không biết tên trả số tiền 5.250.000 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2020/DS-ST ngày 02 tháng 3 năm 2020, của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tây Ninh, đã quyết định:

Căn cứ Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn T. Buộc bà Trần Thị H trả cho ông Đỗ Văn T 15.225.000 đồng tiền đổ đất và 3.996.000 đồng tiền lãi, tổng cộng 19.221.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 17-3-2020, bà Trần Thị H kháng cáo không chấp nhận trả số tiền đổ đất và tiền lãi tổng cộng 19.221.000 đồng cho ông Đỗ Văn T.

Ngày 17-3-2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện CT, tỉnh Tây Ninh có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 01/QĐKNPT-VKS-DS đối với Bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2019/DS-ST, ngày 02-3-2020 của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tây Ninh theo hướng sửa bản án, vì các lý do sau:

- Tòa án cấp sơ thẩm xác định số tiền đổ đất 30.450.000 đồng của ông T trả cho ông M có giấy biên nhận trả tiền ngày 11-3-2017 là tiền của vợ chồng ông T trong thời kỳ hôn nhân nên buộc bà H trả cho ông T một nửa số tiền là 15.225.000 đồng và tiền lãi 3.996.000 đồng. Tòa án đưa bà Trần Kim D là vợ của ông T (đã ly hôn) vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng chưa lấy lời khai để xác định tiền đổ đất là của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân không, cũng không làm rõ bà D có yêu cầu đối với số tiền này không mà chấp nhận một phần yêu cầu của ông T là thu thập chứng cứ chưa đầy đủ; do đó đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng là rõ số tiền đổ đất 30.450.000 đồng có phải là tài sản chung của ông T, bà D không đề chấp nhận một phần hay toàn bộ yêu cầu của ông T.

- Vụ án này là tranh chấp đòi lại tài sản theo quy định tại Điều 166 Bộ luật dân sự, thì việc đòi lại tài sản không tính lãi suất, nhưng Hội đồng xét xử đồng ý tính lãi suất theo yêu cầu của ông T là không có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, trong phần tranh luận bà D là người đại diện hợp pháp của bà H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không chấp nhận trả số tiền 19.221.000 đồng; bà H thống nhất với phần tranh luận của bà D, không bổ sung.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa đề nghị thay đổi một phần kháng nghị phúc thẩm số: 01/QĐKNPT-VKS-DS ngày 17-3-2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện CT, tỉnh Tây Ninh.

Anh Lê Phước Y, là người đại diện hợp pháp của ông Đỗ Văn T yêu cầu bà H trả cho ông T số tiền đồ đất 15.225.000 đồng và tiền lãi 3.996.000 đồng như bản án sơ thẩm đã tuyên; anh Y không tranh luận với việc thay đổi một phần kháng nghị phúc thẩm số 01 của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu Ý kiến:

- Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án và quyết định đưa vụ án ra xét xử bảo đảm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Với chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện, năm 2017 bà H bận xây nhà nên có nhờ ông T là em rể kêu người đồ đất và trông coi hộ, khi đồ đất xong bà H đưa 30.450.000 đồng cho chị D là con của ông T cầm đưa cho ông T trả tiền đồ đất cho ông M. Việc ông T trình bày đã tự bỏ ra số tiền để trả tiền đồ đất giùm cho bà H, nhưng ông T không chứng minh được bà H yêu cầu ông T trả tiền đồ đất giùm, do đó Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu của ông T, buộc bà H trả cho ông T tiền đồ đất và tiền lãi tổng cộng 19.221.000 đồng là không có căn cứ. Viện kiểm sát nhân dân huyện CT kháng nghị đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm làm rõ số tiền 30.450.000 đồng để làm căn cứ giải quyết vụ án là không có căn cứ, do đó thay đổi kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện CT, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của ông T, chấp nhận kháng cáo của bà H, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Đỗ Văn T với bà Trần Kim D là vợ chồng, nhưng đã ly hôn vào tháng 11-2018; bà Trần Thị H là chị ruột của bà D. Trong thời gian chung sống vợ chồng, ông T khai có làm giấy tay sang nhượng của bà H 302,9 m² đất với giá 170.000.000 đồng nhưng chưa làm thủ tục sang tên, giấy tay sang nhượng đất do bà D cất giữ, khi giải quyết yêu cầu ly hôn Tòa án không xem xét diện tích đất 302,9 m² là tài sản chồng của vợ chồng để chia; nhưng có cơ sở xác định tháng 3-2017, ông T có kêu ông Đỗ Văn M đồ 29 xe đất trên diện tích 302,9 m² này, việc đồ đất ông T đã trình bày rõ khi giải quyết về tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản chung, nợ chung với bà D được Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tây Ninh xét xử ngày 07-11-2018; bà H, bà D thừa nhận có việc đồ đất như ông T trình bày.

[2] Bà H kháng cáo cho rằng, bà chỉ nhờ ông T là em rể kêu người đồ đất giùm,

còn tiền đồ đất là của bà đưa cho ông T trả cho ông M, nhưng không có chứng cứ gì chứng minh; những người làm chứng cho bà H khai nhìn thấy bà H đưa tiền cho ông T để trả tiền đồ đất cho ông M là chị, em, cháu ruột của bà H nên thiếu tính khách quan. Tại (BL số 32) bà H khai “...tôi đã đưa tiền cho Đỗ Thị Thùy D giao cho anh Trọn trả cho anh Mua người đồ đất nhưng tôi không an tâm nên tôi đi theo và khi anh Trọn trả tiền xong thì tôi mới vào nhà”. Như vậy, khi ông T trả tiền đồ đất cho ông M có mặt bà H, vì bà nhìn thấy ông T trả tiền cho ông M, vậy tại sao bà H không trực tiếp trả tiền đồ đất cho ông M mà lại nhờ chị D là con của ông T, bà D cầm tiền đưa lại cho ông T để trả, trong khi đó ông M là người đồ đất cho ông T xác định (BL số 33, 121) ông đã đồ cho ông T 29 xe đất và đồ cho bà H 05 xe, số tiền 30.450.000 đồng ông T trả ông M có làm biên nhận nhận tiền và bà H trả cho ông M số tiền 5.250.000 đồng; tại (BL số 46a) khi nhận tiền ông M có viết biên nhận ngày 11-3-2017 với nội dung “có đồ cho anh Trọn 29 xe đất 01 xe X 1.050.000 = 30.450.000. Ba mươi triệu bốn trăm năm mươi ngàn”. Do đó, không có căn cứ chứng minh số tiền 30.450.000 đồng ông T trả cho ông M là tiền của bà H đưa cho ông T.

[3] Tháng 3-2017, ông T thuê ông M đồ 29 xe đất, trong thời gian này giữa ông T và bà Trần Kim D là vợ chồng, đến năm 2018 hai người đã ly hôn. Trong thời gian Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa bà D cho rằng tiền đồ đất 30.450.000 đồng trả cho ông M là tiền của bà H, nếu xét xử Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, thì bà D cũng không yêu cầu giải quyết chia số tiền 30.450.000 đồng đối với ông T, nên ghi nhận.

[4] Xét kháng nghị phúc thẩm số: 01/QĐKNPT-VKS-DS ngày 17-3-2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện CT, tỉnh Tây Ninh thấy rằng, khi giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đưa bà Trần Kim D vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nhưng chưa làm rõ số tiền 30.450.000 đồng ông T trả cho ông M là tài sản chung hay tài sản riêng của vợ chồng và cũng chưa làm rõ bà D có yêu cầu chia tài sản này hay không, nhưng lại cho rằng số tiền 30.450.000 đồng ông T trả tiền đồ đất cho ông M là tài sản chung của vợ chồng và nhận định bà D không yêu cầu bà H trả để chấp nhận một phần yêu cầu của ông T là thiếu cơ sở; việc có yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn là quyền của đương sự, Tòa án không được giải quyết khi đương sự không có yêu cầu, do đó có cơ sở chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện CT đối với yêu cầu của ông T yêu cầu bà H trả lại tiền đồ đất.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên sửa kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện CT theo hướng, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, chấp nhận kháng cáo của bà H là không đúng. Căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, mâu thuẫn trong lời khai của bà H như đã nhận định, nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm anh Lê Phước Y là người đại diện hợp pháp của ông T đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, yêu cầu bà H trả cho ông T tiền đồ đất 15.225.000 đồng, nên ghi nhận; không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H.

[6] **Tranh chấp giữa ông Đỗ Văn T** với bà Trần Thị H là tranh chấp về đòi lại tài sản được quy định tại Điều 166 Bộ luật dân sự, không phải tính lãi suất theo quy định của pháp luật, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu tính lãi suất của nguyên

đơn theo mức lãi suất 0,75%/ tính từ ngày 11-3-2017 để buộc bà H trả là không có cơ sở.

[7] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy kháng nghị phúc thẩm số: 01/QĐKNPT-VKS-DS ngày 17-3-2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện CT, tỉnh Tây Ninh là có căn cứ; đối với kháng cáo của bà Trần Thị H không có cơ sở chấp nhận.

[8] Do kháng cáo không được chấp nhận, nên bà H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm theo.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, 309 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 166 Bộ luật dân sự; các Điều 147, 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện CT, tỉnh Tây Ninh; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị H; sửa bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn T đối với bà Trần Thị H về tranh chấp “Đòi lại tài sản”.

Buộc bà Trần Thị H trả cho ông Đỗ Văn T số tiền 15.225.000 đồng (mười lăm triệu, hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày ông T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà H chưa thi hành xong số tiền trên, thì hàng tháng bà H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị H phải chịu 761.250 đồng (bảy trăm sáu mươi một nghìn, hai trăm năm mươi đồng) **án phí dân sự sơ thẩm.**

Ông Đỗ Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho ông T 951.500 đồng (chín trăm năm mươi một nghìn, năm trăm đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0019938 ngày 14-6-2019 của Chi cục Thi hành án huyện CT, tỉnh Tây Ninh.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006860 ngày 19-3-2020 của Chi cục Thi hành án huyện CT, tỉnh Tây Ninh.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND. TTN;
- Phòng KTNV.TAT;
- TAND H. CT;
- CCTHADS H CT;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Quốc Vũ

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quốc Vũ

